

Ngày 30-4

Xem Lại Bài Học Thống nhất Đất Nước Của Vua Gia Long năm 1802

LS Nguyễn Xuân Phước

1.

Từ 1802 đến 1975 lịch sử Việt nam chứng kiến hai lần thống nhất sau một thời kỳ phân liệt đẫm máu. Năm 1802 Nguyễn Ánh diệt được nhà Tây Sơn, lên ngôi lấy hiệu là Gia Long và chọn Phú Xuân làm kinh đô. Đến đời Minh Mạng cố đô Thăng Long được đổi thành Hà Nội.

Năm 1975 Đảng Cộng Sản Việt Nam chiếm được Sài Gòn, thống nhất hai miền Nam Bắc sau hơn 20 năm chia cắt và chiến tranh. Sài Gòn bị đổi tên "Thành Phố Hồ chí Minh."

Hai lần thống nhất cách nhau gần 200 năm. Nhưng quá trình thống nhất và sự chọn lựa con đường phát triển đất nước của hai triều đại có một số điểm tương đồng. Sự sai lầm trong việc chọn lựa con đường phát triển đất nước ở cả hai thời đại đã đánh mất cơ hội phục hưng tổ quốc, làm tiêu tán nội lực dân tộc, dẫn đưa đất nước đến giai đoạn suy vong.

2.

Khi Nguyễn Ánh phát động chiến tranh chống lại nhà Tây Sơn, ngài đã dựa vào hai thế lực ở nước ngoài. Đó là lực lượng của người Tây Phương và lực lượng người Trung Hoa.

Đứng đầu lực lượng Tây Phương phò Nguyễn Ánh là đức Giám Mục Bá Đa Lộc. Nguyễn Ánh gặp giám mục Bá Đa Lộc khi ngài bôn tẩu ở Vọng Các, kinh đô của Xiêm La, tức Thái Lan. Từ đó, mối quan hệ của hai người trở nên mật thiết. Để vận động sự trợ giúp của Pháp quốc, Nguyễn Ánh đã giao hoàng tử Cảnh lúc mới lên bốn cho Giám Mục Bá Đa Lộc. Đồng thời Giám Mục có toàn quyền ký hiệp định với hoàng đế Pháp để giúp cho Nguyễn Ánh đánh nhà Tây Sơn. Sau đó ông trở về Pháp để vận động viện trợ cho Nguyễn Ánh. Ngài đã thay mặt Nguyễn Ánh ký hiệp ước 1787 dùng các đảo Côn Sơn và các đảo ngoài khơi Đà Nẵng để đổi lấy viện trợ quân sự. Nhưng việc thi hành hiệp ước 1787 với Pháp thất bại. Sau đó Giám Mục Bá Đa Lộc đã bỏ tiền túi cũng như vận động tài chánh riêng để mua khí giới và đưa sĩ quan Pháp về huấn luyện cho Nguyễn Ánh. Những người Pháp giúp cho Nguyễn Ánh như Sạc Ne (Charner) và Sai Nhô (Chaigneau) đều được tham dự triều chính của vua Gia

Long khi ngài lên ngôi.

Trong những người chịu ảnh hưởng Tây Phương trong triều đình Gia Long, quan trọng nhất là Hoàng tử Cảnh. Như đã nói trên, hoàng tử Cảnh được vua cha Gia Long cho theo đức Giám Mục Bá Đa Lộc từ lúc ông mới 4 tuổi. Ở tuổi thơ ấu này, hoàng tử Cảnh rất dễ tiếp thu văn hoá và ngôn ngữ tây phương. Có lẽ hoàng tử Cảnh là vị hoàng tử Á Châu đầu tiên được theo tây học ở cuối thế kỷ thứ 18. Tuy lịch sử không nói nhiều đến cuộc đời của Hoàng tử Cảnh, ngày nay chúng ta có thể suy luận được rằng Hoàng tử Cảnh là người tiếp cận văn hoá tây phương rất sớm, thông thạo Pháp ngữ và có quan hệ rất tốt với tây phương. Nói thế để xác định rằng sở học tây phương của hoàng tử Cảnh đi trước cả Nguyễn Trường Tộ mấy chục năm. Và có lẽ cuộc cách mạng kỹ nghệ tại Việt Nam đã có thể được triển khai ngay thời đại hậu Gia Long nếu hoàng tử Cảnh không bị mất sớm.

Cùng lúc với những người Pháp đến Việt nam giúp Nguyễn Ánh, một số người Minh Hương đã gia nhập lực lượng của Nguyễn Ánh để chống với Tây Sơn. Người Minh Hương là những người Trung Hoa phục vụ cho nhà Minh xin tỵ nạn chính trị tại Đại Việt khi nhà Thanh diệt nhà Minh. Sau hơn 100 năm sống ở Đại Việt, những người Hoa kiều này trở thành một bộ phận của dân tộc nhưng họ vẫn có những mối quan hệ chặt chẽ với mẫu quốc Trung Hoa. Do đó, những người Minh Hương này trở thành lực lượng có xu hướng thân Trung Hoa trong triều đình Gia Long. Đứng đầu lực lượng này là Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, và Ngô Nhân Tịnh. Cả ba ông đều gốc người Minh Hương và là học trò xuất sắc của Võ trường Toàn, một bậc thâm nho cũng gốc người Minh Hương, có nhiều uy tín tại Gia Định. Cả ba người đều tham gia hoạt động phò Nguyễn Ánh từ năm 1788.

Khi Gia Long lên ngôi, Trịnh Hoài Đức làm đến chức thượng thư bộ lại kiêm bộ hình và phó tổng tài Quốc Sử Quán. Lê Quang Định được thăng Binh Bộ thượng thư, tương đương với bộ trưởng quốc phòng ngày nay. Ngô Nhơn Tịnh sau được thăng Công Bộ thượng thư. Cả ba ông đều đóng những vai trò quan trọng trong mối quan hệ ngoại giao với Trung Hoa.

Nhưng vai trò quan trọng nhất của Trịnh Hoài Đức là được vua Gia Long ủy thác để dạy dỗ cho hoàng tử Đảm. Hoàng tử Đảm sau lên ngôi lấy hiệu là Minh Mạng.

Hai xu hướng thân tây phương và thân Trung hoa trong triều Gia Long xung đột gay gắt về vấn đề kế vị hoàng tử Cảnh sau khi hoàng tử qua đời. Khi Trịnh Hoài Đức thuyết phục được Gia Long phế dòng trưởng lập dòng thứ, vua Gia Long đã chọn Minh Mạng làm người kế vị. Khi Minh Mạng lên ngôi, dưới ảnh hưởng của Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, và Ngô Nhân Tịnh, Việt nam đã nghiêng hẳn theo mô hình Nho giáo của Thanh triều (Thanh Nho) để phát triển đất nước.

Sau khi lên ngôi, để giữ vững ngai vàng, Minh Mạng (1820-1840) triệt hạ dòng dõi của hoàng tử Cảnh bằng cách xử tử vợ và người con trưởng của hoàng tử Cảnh, và giáng người con thứ làm thường dân. Về phương diện ngoại giao, ông cho giảm dần quan hệ với tây phương. Những người Pháp làm việc với Gia Long chán nản bỏ về nước.

Với những người Minh Hương thân Trung hoa cầm nắm vận mạng của triều đình, Minh Mạng đã thi hành một loạt các chính sách ngoại giao đi ngược với đường lối của Gia Long. Từ một nền chính trị ngoại giao khai phóng của Gia Long với những quan hệ rộng rãi với các quốc gia trên thế giới, Minh mạng và các vua kế vị (Thiệu Trị (1841-1847), và Tự Đức (1848-1883)) cùng triều đình thân Trung Hoa đã bắt đầu một nền chính trị cục bộ, thiên cận với chính sách bế môn toả cảng, đoạn tuyệt với tây phương, ban hành lệnh cấm đạo.

Do ảnh hưởng của Thanh Nho, triều đình nhà Nguyễn từ Minh Mạng trở đi chỉ chú trọng đến văn chương thi phú biên ngẫu, đi theo con đường trọng văn và xao lãng vấn đề quân sự và quốc phòng.

Đây là lý do, sau khi Gia Long băng hà, sức mạnh quân sự của triều Nguyễn suy giảm hẳn. Khi các tướng lãnh thuộc thế hệ Gia Long qua đời, các tướng lãnh thế hệ kế thừa không đủ tài thao lược để thực hiện chính sách quốc phòng hữu hiệu. Lực lượng quân sự của Trương Minh Giảng không đủ khả năng duy trì guồng máy cai trị ở Nam Vang. Và Trương Minh Giảng đã bị người Miên đánh đuổi về nước dưới triều Thiệu Trị.

Đến thời kỳ Tự Đức, xu hướng thân Trung Hoa hoàn toàn nắm trọn quyền trong triều đình. Sự kiện này được xác định khi triều đình họp nhau bác bỏ bản điều trần canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ. Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) là một nho sĩ theo đạo Thiên Chúa. Ông nổi tiếng thông minh và hay chữ, được người đời gọi là Trạng Tộ. Ông cũng thông thạo nhiều ngôn ngữ tây phương. Ông làm thông ngôn cho các giáo sĩ Thiên Chúa trong việc truyền đạo tại Việt Nam. Sau một thời gian đi chu du khắp thế giới, đặc biệt là nước Pháp và Ý, ông trở về Việt Nam để mấy năm trời đem tâm huyết của một người yêu nước viết nhiều bản điều trần để cải cách và canh tân đất nước dâng lên triều đình Tự Đức. Nhưng triều đình Tự Đức với đầu óc cổ hủ của Thanh Nho không đủ tầm nhìn để hiểu được những thế lớn đang bùng ra trong thiên hạ thời bấy giờ. Sau hoàng tử Cảnh năm mươi năm, Việt Nam đã mất đi cơ hội phát triển một lần nữa khi triều đình nhà Nguyễn quay mặt trước những yêu cầu canh tân của Nguyễn Trường Tộ.

Điều bất hạnh hơn cho dân tộc là lúc ấy giáo điều Thanh Nho đã bắt đầu rã mục. Triều đình nhà Thanh đang trên đà phá sản. Năm 1839 chiến tranh nha phiến bùng nổ, nhà Thanh phải ký các hiệp ước biên giới nhượng đất cho Anh và Pháp. Với hiệp ước Nam Kinh, Anh chính thức chiếm đóng Hong Kong năm 1842. Và với hiệp ước Hoàng Phố 1844, Pháp chính thức đặt chân lên lãnh địa Trung Hoa. Ở mạn bắc, năm

1850 quân đội của Nga Hoàng tràn xuống Hắc Long Giang chiếm đóng Mãn Châu, quê hương của nhà Thanh. Từ 1854 đến 1860, Hồng Tú Toàn và phong trào Thái Bình Thiên Quốc đã chiếm gần một nửa Trung Hoa. Cuối cùng, cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 của phong trào cách mạng Quốc Dân Đảng dưới sự lãnh đạo của Tôn Văn đã lật đổ triều đình phong kiến Mãn Thanh để xây dựng chế độ Cộng Hoà.

Trong khi đó, triều đình nhà Nguyễn vẫn còn như mơ ngủ. Tiếng súng của hải quân Pháp bắn vào Đà Nẵng năm 1858 vẫn không làm cho triều đình Tự Đức tỉnh giấc mộng Thanh Nho. Sau khi Pháp chiếm Nam Kỳ năm 1860, tức là 20 năm sau khi nhà Thanh bị liệt cường xâu xé và đang dãy chết, triều đình Tự Đức vẫn còn cho người đi sang Trung Hoa cầu viện. Những tiếng nói đòi cải cách của các sĩ phu yêu nước như Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch trở thành nổi trăn trở kéo dài hàng thế kỷ của nhiều thế hệ. Ý hệ Thanh Nho làm triều đình nhà Nguyễn u mê đến nỗi không thấy được một thế giới mới đang ra đời với cuộc cách mạng kỹ nghệ đang đẩy xã hội tây phương lên đỉnh cao của lịch sử phát triển xã hội loài người. Và cuộc cách mạng đó làm thay đổi cục diện thế giới và làm thay đổi lịch sử nước Đại Việt.

Hậu quả bi thảm của nền chính trị do đầu óc cổ hủ, thiển cận lãnh đạo được thấy rõ ràng khi tàu chiến của Pháp kéo vào hải phận Đại Việt. Khi Pháp tấn công Nam Kỳ thì triều đình hoàn toàn không có đủ năng lực quân sự và chiến lược quốc phòng để đối phó. Những võ tướng uy tín trong triều như Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản (cũng gốc người Minh Hương) dù thừa khí phách của nho gia nhưng không đủ tài thao lược quân sự để lãnh đạo cuộc chiến tranh chống xâm lược. Khi Pháp chiếm Sài Gòn thì súng ống và đạn dược của quan quân Triều đình có rất nhiều nhưng quân đội ô hợp không có khả năng chống trả quân xâm lăng. Hậu quả tất nhiên là đất nước đã mất vào tay thực dân.

Với Hoà Ước Nhâm Tuất 1862 và hoà ước Patenotre 1864, công cuộc thống nhất đất nước của Gia Long được coi như cáo chung. Việt Nam bước qua trang sử mới, đó là trang sử nô lệ. Và sau 1000 năm giành được độc lập từ Trung Hoa thời Ngô Quyền Vương, nước Đại Việt lại một lần nữa mất quyền tự chủ.

Cái nhục mất nước, tụt hậu của dân tộc Đại Việt ở thế kỷ 19 phát xuất từ nhiều yếu tố lịch sử khác nhau. Thế nhưng sự chọn lựa mô hình phát triển đất nước, sự ỷ dốc vào Thanh triều Trung Hoa trên mặt trận ngoại giao và văn hoá thời kỳ hậu Gia Long, chính sách bế môn toả cảng, và sự tin tưởng mù quáng vào giáo điều Thanh Nho bắt chập các bản điều trần yêu cầu canh tân của các sĩ phu tiến bộ là những yếu tố quyết định đưa đất nước vào giai đoạn nô lệ.

3

Đến năm 1975, tức gần 200 năm sau, Cộng sản thống nhất đất nước. Giống như thời nhà Nguyễn, những người lãnh đạo đảng CSVN đứng trước những chọn lựa chiến lược để canh tân, để đưa đất nước vào giai đoạn phục hưng sau một thời kỳ nô lệ thực

dân và thời kỳ chiến tranh hậu Pháp thuộc.

Tình hình Việt Nam ở thời điểm tháng 4 năm 1975 hết sức thuận lợi cho việc phát triển đất nước.

Xã hội miền Nam sau hơn 20 năm xây dựng, mặc dù bị chiến tranh, đã đạt được những thành quả đáng kể. Về phương diện kinh tế miền Nam đã có những cơ sở kỹ nghệ hạ tầng cao cấp đủ khả năng giúp nền kinh tế hậu chiến cất cánh. Về phương diện thương mại, Sài Gòn đã là trung tâm điểm của kinh tế Đông Nam Á. Về phương diện nông nghiệp, sức sản xuất nông nghiệp của miền Nam đủ để nuôi cho cả nước.

Thêm vào đó, nền giáo dục miền Nam với những cơ sở giáo dục hiện đại đã đào tạo được nhiều chuyên gia kinh tế, khoa học, kỹ thuật thượng thặng. Khoa học điện toán đã bắt đầu được đưa vào trong công việc quản lý hành chính và giáo dục. Đó là cơ sở khoa học kỹ thuật chuẩn bị đưa đất nước vào cuộc cách mạng điện toán và điện tử của thời kỳ 1980s. Đồng thời quan hệ ngoại giao của miền nam và các nước tây phương và Hoa Kỳ hết sức tốt đẹp. Đặc biệt, Liên Hiệp Quốc đồng ý để cho hai miền Nam Bắc gia nhập tổ chức quốc tế này với tư cách của hai nước độc lập.

Nói chung ở thời điểm 1975 miền Nam đã ở vị thế ngang ngửa với Nam Triều Tiên, Đài Loan và vượt xa Thái Lan và Malaysia.

Trước viễn ảnh của một đất nước thống nhất và hoà bình, nhiều nhà trí thức yêu nước miền Nam đã bắt chấp mọi đe dọa chính trị, tiếp tục giấc mơ Nguyễn Trường Tộ. Họ từ chối những lời mời di tản ra nước ngoài của Hoa Kỳ, của thân nhân, để ở lại xây dựng đất nước. Có lẽ nhiều người yêu nước trong hàng ngũ Cộng Sản cũng chia xẻ giấc mơ Nguyễn Trường Tộ. Nhiều người đã hy vọng rằng với những bài học thất bại trong việc áp dụng chế độ Cộng Sản ở miền bắc, những người lãnh đạo ở Hà Nội sẽ thức thời để trở thành những "Minh Trị Thiên Hoàng" của Việt Nam để phát triển và phục hưng dân tộc.

Điều làm mọi người kinh ngạc và bàng hoàng là sau hoàng tử Cảnh và Nguyễn Trường Tộ gần 200 năm, lịch sử lại tái diễn.

Từ năm 1976 ĐCSVN bắt đầu áp dụng chính sách Cộng Sản trên toàn quốc. Đất nước bước vào đoạn bế môn toả cảng, cắt đứt mọi liên hệ với các nước tự do dân chủ. Những quan hệ ngoại giao, nếu có, chỉ có trên hình thức.

Đảng Cộng Sản Việt nam đã biến đất nước thành một nhà tù vĩ đại. Hơn 300.000 quân cán chính Việt Nam Cộng Hoà đã bị giam giữ vô hạn định. Đây là thảm họa lịch sử mà cái tàn ác của vua Gia Long khi ngài trả thù nhà Tây Sơn cũng không thể nào so sánh được. Và suốt lịch sử 5000 năm của dân tộc cũng không có một thời đại nào có cuộc trả thù khủng khiếp như thời kỳ Cộng Sản thống nhất đất nước.

Về phương diện kinh tế, một loạt các chính sách kinh tế rùng rợn và ngược đời đã được thực hiện: hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp, "đánh tư sản", đổi tiền, chính sách tem phiếu, hộ khẩu, cưỡng đoạt đoạt tài sản của người có tiền của, và kinh khủng nhất là chính sách xoá bỏ quyền tư hữu. Chỉ trong một thời gian ngắn toàn bộ tài sản của nhân dân thuộc vào tay của đảng Cộng Sản Việt Nam. Và cũng trong thời gian đó, kinh tế Việt nam điêu tàn. Trong thời chiến tranh gạo ở miền Nam dù không dư thừa nhưng đủ nuôi cho cả nước. Dưới chính sách kinh tế hợp tác xã của Cộng Sản, gạo do hai miền nam bắc sản xuất trong thời bình không đủ cung cấp cho toàn dân. Chỉ sau vài năm dưới chế độ cộng sản toàn dân phải ăn khoai sắn và bo bo. Trong khi kinh tế các nước trong vùng đi vào cuộc cách mạng điện toán và cất cánh nhanh chóng thì người dân Việt Nam phải sắp hàng cả ngày để mua gạo, mua thịt, và các loại nhu yếu phẩm. Đất nước ở bên bờ của nạn đói lớn nhất từ năm 1945 với hàng trăm ngàn nông dân bỏ ruộng vườn lên tỉnh kiếm ăn. Nông dân Thái Bình Xuân Lộc, Tây nguyên thay nhau nổi dậy.

Những chuyên gia kinh tế, tài chánh, kỹ thuật yêu nước quyết định ở lại hợp tác với chính quyền đều vỡ mộng. Lòng yêu nước chân thành và đầy hy vọng của họ mong được đóng góp phát triển đất nước thời kỳ hậu chiến được trả giá bằng tù đầy và khổ sai lao động. Đến năm 1990 kinh tế xã hội chủ nghĩa do đảng Cộng Sản Việt Nam xây dựng 15 năm trên toàn đất nước hoàn toàn phá sản. Và cũng đến thời điểm đó, hàng triệu người đã bỏ nước ra đi.

Về phương diện văn hoá, ĐCSVN triệt để xoá nền văn hoá dân tộc để thay vào đó là "văn hoá Mác Lê". Dưới sự lãnh đạo của tập đoàn "những người vượn do lao động thành người" tại bắc bộ phủ, triết học "mạnh được yếu thua" của Mác Lê đã được thay thế truyền thống triết học nhân bản của dân tộc. Về phương diện tâm linh, đảng CS cố tâm tiêu diệt tôn giáo. Từ năm 1975 CS đã phát động chiến dịch "chống thần trời" để khắc phục thiên tai lũ lụt. Với tâm thức duy vật vô thần, đảng CSVN đã chối bỏ mọi truyền thống văn hoá trong việc trị nước. Đứng về phương diện tâm linh dân tộc, ông Hồ chí Minh và những người kế vị của ông là những người người lãnh đạo đã phủ nhận giá trị cổ truyền. Đền chùa nhà thờ tại những vùng quê đã được đảng Cộng Sản Việt Nam trưng dụng để làm đồn công an, kho lương thực, nhà hàng tập thể. Và chế độ Cộng Sản là chế độ duy nhất trong lịch sử đã không làm lễ ra mắt Trời Đất và tổ tiên khi nắm chính quyền.

Về phương diện quân sự, đến năm 1990 sức mạnh quân sự của Việt Nam suy giảm rõ rệt. ĐCSVN không còn đủ khả năng chiếm đóng Campuchia. Như Trương Minh Giảng cách đó hơn 150 năm, lực lượng chiếm đóng Campuchia của ĐCSVN phải rút về nước. Đến năm 1999 Bắc Kinh không một phát súng đã ép ĐCSVN phải ký hiệp ước biên giới trên đất liền và hiệp ước phân định vịnh bắc bộ để nhượng lãnh thổ và lãnh hải cho Trung quốc.

4.

Cũng như sự phá sản của Thanh Nho cách đây hơn 150 năm, phong trào Cộng Sản thế giới đã bắt đầu tan rã từ những năm 1960 khi mâu thuẫn của hai siêu cường Nga Hoa bùng nổ trở thành những trận chiến biên giới đẫm máu. Những người Cộng Sản Việt Nam lúc ngã theo Tàu, lúc ngã theo Nga. Mỗi lần có sự xoay chiều chính trị là xảy ra những đợt thanh trừng rùng rợn trong nội bộ đảng. Sau năm 1975, ĐCSVN đã ngã hẳn theo Liên Xô và ra mặt chống đối bọn "bành trướng Bắc Kinh". Sự chọn lựa Liên Xô đã phải trả giá bằng những trận chiến biên giới Việt Trung năm 1979 với hàng trăm ngàn nhân mạng thương vong.

Đến năm 1990 các chế độ CS ở Liên Xô và Đông Âu đồng loạt sụp đổ. Liên Xô, thành đồng cách mạng vô sản thế giới và tổ quốc thứ hai của những người Cộng Sản Việt Nam, đã lạnh lùng chia tay với chủ nghĩa Mác Lê không một lời từ giả, bỏ Đảng Cộng Sản Việt Nam chơ vơ như trẻ con lạc chợ. Thay vì noi theo gương Liên Xô tháo gỡ cơ chế Cộng Sản để xây dựng một đất nước tự do dân chủ, những người Cộng Sản lại xoay chiều chính trị. Trong giờ phút thập tử nhất sinh của chế độ họ đã phải cầu hoà với Trung Quốc. Và để trả giá cho sự đại dột theo Liên Xô trước đây họ đã không ngần ngại ký ngay mật ước nhượng đất và nhượng biển cho Bắc Kinh. Đồng thời ĐCSVN đã nhanh chóng đổi mới kinh tế theo mô hình Đặng Tiểu bình. Những tiếng nói muốn thay đổi cơ chế chính trị theo gương Liên Xô như của ủy viên bộ chính trị Trần Xuân Bách, Nguyễn Cơ Thạch đã bị thanh trừng không khoan nhượng.

Thế nhưng điều nghịch lý là thực chất của đổi mới là chấp nhận con đường phát triển của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Đó là con đường kinh tế thị trường với sự mở rộng hợp tác thị trường Tây Phương và Hoa Kỳ. Đó là mô hình kinh tế tư bản. Và mô hình kinh tế tư bản với bản chất mâu thuẫn với lý thuyết kinh tế Mác Lê là nguyên nhân trực tiếp và sâu xa để đảng Cộng Sản phát động cuộc chiến 20 năm và cuộc chiến đó đã chấm dứt ngày 30-4- năm 1975.

Ngày nay, kinh tế Việt Nam đã có những tiến bộ khả quan. Nhưng đó là những tiến bộ tương đối so với với thời kỳ chuyên chính vô sản đói rách và đen tối. Nếu nhìn trên bình diện vĩ mô thì thực chất của "chính sách đổi mới" là quyết định không áp dụng chủ nghĩa Mác Lê vào một phần đời sống kinh tế quốc dân. Sự hồi sinh của "khu vực kinh tế phi Mác Lê" trên sinh hoạt kinh tế quốc gia giúp cho nhân dân được tự do làm ăn. Nhờ thế, ngày nay bộ mặt kinh tế của Việt nam đã thay đổi. Nhưng khi so sánh với những tiến bộ của Nam Triều Tiên, Đài Loan, Singapore, Nhật Bản, thì Việt Nam vẫn là nước chậm tiến nhất trong vùng. Lực phản động của chủ nghĩa Mác Lê hơn 60 năm qua là sức tiêu cực làm cho khu vực kinh tế phi Mác Lê, (hay khu vực kinh tế thị trường), không thể phát huy trọn vẹn tiềm năng của nó. Thêm vào đó, nền kinh tế Việt nam được hồi sinh nhờ vào hơn 2 tỷ đô la hàng năm của người Việt tỵ nạn Cộng Sản chuyển về cho thân nhân, và giúp cho các đảng viên Cộng Sản rửa tiền ở hải ngoại. Về phương diện văn hoá, tuy nền văn hoá Mác Lê đã phá sản nhưng chính sách văn

hoá trong suốt sáu mươi năm qua đã làm cho văn hoá dân tộc bị tụt nguyên và suy yếu. Sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác Lê trên thế giới kéo sự sụp đổ của nền văn hoá duy vật đã tạo khoảng trống trong sinh hoạt văn hoá. Từ khoảng chận không ấy, những di sản văn hoá trước năm 1975 đã xuất hiện trở lại. Những tác phẩm thơ văn nhạc thời tiền chiến và miền Nam trước 1975 đã trở thành những món ăn tinh thần của người dân Việt Nam. Âm nhạc chói tai XHCN, văn chương đấu tranh giai cấp đã phải lùi bước trước sự phục sinh truyền thống sáng tác phong phú, đa dạng và nhân bản để đáp ứng với nhu cầu tinh thần của người dân ngày nay.

Tuy nhiên việc phục hồi di sản văn hoá miền Nam chưa đủ năng lực để phục hưng dân tộc. Giáo điều Mác Lê vẫn còn hằn sâu trong tư duy của người Cộng Sản, và não trạng nô lệ vào chủ thuyết ngoại bang vẫn đè nặng trên đời sống văn hoá Việt Nam.

5.

Sự phá sản của chủ nghĩa Mác Lê trên thế giới, sự quay về với mô hình phát triển của Việt Nam Cộng Hoà, sự phục sinh của văn hoá miền Nam trên đất nước hiện nay đòi hỏi chúng ta phải đánh giá lại toàn bộ ý nghĩa cuộc chiến tranh "Chống Mỹ Cứu Nước" của ĐCSVN.

Một số vấn đề được đặt ra ở đây. Tại sao dân tộc Việt Nam phải mất đi 3 triệu nhân mạng, với 10 triệu thương vong và phải bỏ ra 20 năm vô cùng quý báu để hai miền Nam Bắc đánh nhau để giải quyết vấn đề chia cắt đất nước? Liệu có một giải pháp không đổ máu để giải quyết vấn đề này hay không? Tại sao khi thống nhất đất nước những người CSVN phải thực hiện nền kinh tế Mác Lê bằng cách xoá đi xã hội miền Nam thịnh vượng, để rồi 30 năm sau, sau khi thiết lập nền kinh tế đã xua đuổi người dân ra biển, chiếm đoạt tài sản nhân dân và làm cho đất nước nghèo đói, họ phải trở lại đi theo mô hình phát triển của xã hội đó?

Bài học phân chia đất nước của Nam Bắc Triều Tiên, của Trung Quốc và Đài Loan, bài học thống nhất của Đông Đức và Tây Đức, của Trung Quốc và Hongkong, cho thấy chiến tranh không phải là giải pháp duy nhất để giải quyết vấn đề thống nhất.

Ở đây chúng ta không thể không xem lại bài học của Trung Quốc đối với Đài Loan và Hong Kong. Trong khi Trung quốc hô hào chiến tranh giải phóng "chống đế quốc Mỹ xâm lược", tích cực viện trợ bom đạn mìn cho Việt Nam, các nước Nam Mỹ, và các nước Phi Châu để các nước này phát động chiến tranh "giải phóng" thì chính họ đã âm thầm chọn lựa con đường chính trị, không chiến tranh, không đổ máu để giải quyết vấn đề Đài Loan và Hong Kong. Họ đã dùng xương máu của dân Việt Nam và của các nước nhược tiểu làm con bài để thương lượng với Hoa Kỳ và tây phương trên mặt trận chính trị. Trong khi đó, những người Cộng Sản Việt Nam đi nghe những lời "xúi trể ăn cứt gà" của đàn anh Trung Quốc, đem dân tộc Việt nam vào biển máu của chiến tranh nồi da xáo thịt, biến dân tộc Việt nam thành những con thiêu thân cho chủ nghĩa Mác Lê.

Thay vì chọn con đường thẳng tiến đến nền kinh tế thị trường để phát triển như Nam Hàn, Đài Loan, Hong Kong Singapore, và miền Nam Việt nam trước năm 1975, ĐCSVN đã chọn con đường Mác xít Leninit, Stalinít, Maoít nghèo đói, đầy máu xương và đầy nước mắt. Con đường Mác Lê này cũng nghèo khổ lắm gian truân. Lúc theo Tàu, lúc theo Nga, lúc thì theo Mỹ. Điều này cho thấy ý thức hệ Mác Lê không thể giúp cho người Cộng Sản Việt Nam có cái nhìn chính xác về con người, đất nước và thế giới để đưa đất nước lên ngang tầm thời đại.

Hãy nhìn lại những quốc gia Á Châu trước đây như Malaysia, Thái Lan, Đài Loan, và Nam Triều Tiên. Trong thời gian chiến tranh, các quốc gia này còn nghèo nàn lạc hậu hơn miền nam Việt Nam trước năm 1975. Những quốc gia này đã chọn Hoa Kỳ và các nước Tây Phương làm bạn. Ngày nay, Malaysia Nam Triều Tiên, Đài Loan trở thành những con rồng kinh tế bay cao với chủ quyền lãnh thổ không sức mẽ. Ngày nay họ là những chủ nhân ông của những công ty tư bản to lớn đang đầu tư vào Việt Nam để xử dụng lực lượng nhân công Việt Nam nghèo đói và rã rạc do chế độ XHCN sản xuất. Hàng năm, hàng trăm ngàn thanh niên thiếu nữ Việt Nam "được" ĐCSVN xuất khẩu để làm nô lệ tình dục và lao nô cho các quốc gia trong thời gian chiến tranh Việt nam bị người Cộng Sản gọi là "chó săn của đế quốc Mỹ xâm lược." Trong khi đó con rồng Việt Nam vẫn quần quai không vươn lên nổi vì cái đầu rồng bị nhồi nhét đồng rác Mác Lê quá nặng nề.

Nỗ lực hiện nay của ĐCSVN gia tăng hợp tác kinh tế và quân sự với Hoa Kỳ để tồn tại cũng như áp dụng chính sách của Việt Nam Cộng Hoà vào việc phát triển kinh tế đã chứng minh được rằng "Chiến Tranh Chống Đế Quốc Mỹ Xâm Lược" là công việc không cần thiết và gây quá nhiều thiệt hại cho đất nước.

Không cần thiết vì sự hiện diện của Hoa Kỳ trong thời chiến tranh tại Thái Lan, Malaysia, và Nam Triều Tiên và sự độc lập lãnh thổ của các nước này hiện nay minh chứng rằng Hoa Kỳ không có nhu cầu xâm lăng Việt Nam hay các nước trên. Thật vậy, Hoa Kỳ và Tây Phương cũng như các nước phát triển ở Á Châu không còn là mối đe dọa lãnh thổ cho Việt Nam. Điều dễ hiểu là sau thế chiến thứ hai, sau khi chế độ thực dân cáo chung và sự hình thành của Liên hiệp Quốc, đối với các quốc gia văn minh tiến bộ Tây Phương và Hoa Kỳ, ý niệm xâm lược lãnh thổ các nước khác đã lỗi thời.

Nếu cuộc chiến tranh (1954-1975) vừa qua không có ý nghĩa của một cuộc chiến chống xâm lăng của Mỹ như quan điểm của ĐCSVN, thì cuộc chiến ấy có giá trị như là cuộc chiến ý thức hệ đã giúp cho việc ngăn chặn làn sóng Cộng Sản tràn xuống Đông Nam Á, Nam Á và tràn lên Bắc Á, theo quan điểm của miền Nam.

Thực tế về nền kinh tế nghèo đói và chính trị bạo tàn của Bắc hàn, Liên Xô, Cu ba, Trung Quốc, Khmer Đỏ, và các nước Đông Âu cho thấy Cộng Sản là hiểm hoạ lớn

nhất của loài người từ trước đến nay. Cuộc chiến Việt Nam đã làm chậm, nếu không nói là ngăn ngừa được, sự phát triển của hiểm hoạ Cộng Sản vào Thái Lan, Mã Lai, Philippines, Nam Dương và Ấn Độ. Cái bất hạnh của dân tộc Việt Nam là cái may mắn cho các nước trong vùng. Khi dân tộc Việt Nam chiến đấu giết lẫn nhau để làm mũi xung kích của khối xã hội chủ nghĩa và tiền đồn chống Cộng của thế giới tự do, thì Singapore, Mã Lai, Thái Lan, Nam Dương, Nam Triều Tiên, Đài Loan được hoà bình để phát triển kinh tế. Các quốc gia này còn được giàu lên vì chiến tranh Việt Nam. Khi ĐCSVN Việt Nam đẩy dân tộc vào lò thí nghiệm xã hội chủ nghĩa để đất nước tan hoang điêu tàn thì các quốc gia trong vùng đã xây dựng được một xã hội dân sự ổn định và văn minh, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển để bắt kịp một thế giới toàn cầu hoá đang ra đời.

Cuộc chiến ý thức hệ đó hoàn toàn không những không đem lại một lợi lộc gì cho dân tộc Việt Nam mà đã tiêu phí quá nhiều xương máu và tài nguyên quốc gia. Đặc biệt trong giai đoạn thế giới phát triển với vận tốc nhanh chóng, việc đẩy đất nước vào một chiến tranh vô bổ là phí phạm thời giờ của lịch sử.

Ngày nay, mối đe doạ xâm lược không đến từ các nước Hoa Kỳ hay Tây Phương. Chỉ có những quốc gia to lớn nhưng chậm tiến lạc hậu như Trung Hoa Cộng Sản mới còn mang giấc mộng bành trướng lãnh thổ. Nguy cơ mất đất mất biển ngày nay chính là truyền thống xâm lược hàng ngàn năm của nòi Hán. Lá thư của thủ tướng Phạm văn Đồng năm 1958 gửi cho thủ tướng Chu Ân Lai mau mắn công nhận chủ quyền lãnh hải của Trung Hoa trong phần biển Việt Nam, cũng như cuộc tấn công xâm lược Hoàng Sa và Trường Sa của hải quân Trung Quốc năm 1974, chiến tranh biên giới 1979, và gần đây nhất, hiệp ước biên giới trên đất liền năm 1999 và hiệp ước phân định Vịnh Bắc Bộ năm 2000, là bằng chứng hùng hồn về nguy cơ này.

Thế nhưng, trong suốt thời kỳ chiến tranh chống quân Trung Quốc xâm lăng Hoàng Sa và Trường Sa của nhân dân Việt Nam (1974-1975), thay vì đứng về phía dân tộc để bảo vệ tổ quốc, ĐCSVN đã tiếp tay với ngoại địch bằng cách đứng hẳn về phía chiến tuyến của quân xâm lược.

Những sự kiện lịch sử này xác định một lần nữa ĐCSVN không hề chiến đấu bởi dân tộc và vì dân tộc. Họ chiến đấu bởi đảng Cộng Sản Quốc Tế và vì đảng Cộng Sản Quốc Tế, bởi ý thức hệ ngoại bang và vì ý thức hệ ngoại bang. Khi quyền lợi của dân tộc và của đảng Cộng Sản Quốc Tế trùng hợp, như thời kỳ đấu tranh chống Pháp, họ giành lấy ngọn cờ dân tộc để tiêu diệt những người yêu nước không đồng chính kiến. Nhưng khi quyền lợi của dân tộc và của đảng Cộng Sản Quốc Tế mâu thuẫn, như trong trận chiến Hoàng Sa, hay vấn đề tranh chấp biên giới và vịnh bắc bộ gần đây, hay việc áp đặt nền kinh tế Mác Lê lên xã hội Việt Nam, họ nhanh chóng đứng về phía ngoại đảng, bất kể sự khốn cùng và đau khổ của nhân dân, lấy cái bạo tàn của chuyên chính vô sản để đàn áp những tiếng nói phản đối trung thực của những người

yêu nước.

Ở đây chúng ta có thấy được một đặc điểm khác của những người Cộng Sản Việt Nam. Trong suốt lịch sử của đảng, quan điểm đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản làm cho họ hoàn toàn không có khả năng làm hoà với những người yêu nước nhưng khác chính kiến, mặc dù những người đó cùng dòng máu Việt, cùng bọc trăm trứng của cha Rồng mẹ Tiên. Những cuộc đấu tố địa chủ, trí thức, đánh tư sản, ám sát đàn áp đối lập cách tàn nhẫn vô nhân đạo là những chứng cứ rõ ràng về đặc điểm này. Thế nhưng họ luôn luôn có khả năng làm hoà với quân ngoại thù. Khi cần thiết, họ có thể chia xẻ giang sơn của tổ tiên với ngoại bang để được bảo hộ về quyền lực.

6.

Đối với đất nước Việt Nam, hiện trạng tụt hậu về kinh tế, hà khắc về chính trị, suy sụp về văn hoá cùng với những mật ước nhượng đất nhượng biển cho Trung Quốc đã chứng minh rằng, chủ nghĩa Mác Lê, từ ngày thống nhất đến nay, hoàn toàn bất lực giúp Việt Nam xây dựng một thể chế dân chủ để bảo toàn lãnh thổ, làm cho kinh tế Việt Nam cất cánh và làm cho văn hoá dân tộc được phục hưng. Cái chủ nghĩa xa lạ đó không có một chút khả năng giúp Việt Nam thành một quốc gia cường thịnh

Ngày nay, ở thế kỷ thứ 21, giáo điều Mác Lê lạc hậu tiếp tục bịt tai những người Cộng Sản trước yêu cầu phục hưng dân tộc của lịch sử. Họ không nghe được những tiếng kêu gọi đòi canh tân của những Nguyễn Trường Tộ thời đại. Đó là những tiếng nói của những người đã đáp lại tiếng kêu gọi của hôn sử, hòa nhịp với những thao thức từ Nguyễn Trường Tộ đến Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, Nguyễn An Ninh, Lý Đông A, Trương Tử Anh, Huỳnh Phú Sổ. Đó là những rung động và lãng mạn lịch sử nhất quán xuyên suốt qua bao thế hệ để gìn giữ chất nguyên trinh và chính thống của hồn Việt. Đó là tiếng nói của những người Cộng Sản phản tỉnh như Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Trần Khuê, Trần Dũng Tiến, Vũ Cao Quận; của những người không CS như Nguyễn Đình Huy; Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế hay của thế hệ trẻ như Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn và của nhân dân Việt Nam trong và ngoài nước.

Giấc mơ phục hưng dân tộc và phát triển kinh tế của Nguyễn Trường Tộ ngày xưa, cũng như giấc mơ của bao thế hệ trí tuệ Việt Nam từ đó đến nay vẫn không bao giờ thay đổi. Nhưng khác với Nguyễn Trường Tộ ngày xưa bị chết trong quên lãng, để cho đất nước rơi vào tay của quân xâm lược, những Nguyễn Trường Tộ thời đại, sẽ không ngồi yên để tập đoàn "người vượn do lao động thành người" tại Ba Đình tiếp tục dẫn đưa đất nước đến chỗ tụt hậu và vong thân.

7.

Ngày nay, chìa khóa để mở ra thời đại phát triển kinh tế, phục hưng văn hoá dân tộc và để bảo toàn lãnh thổ nằm trong tính chính thống chính trị của nhà cầm quyền. Về phương diện chính trị, ý niệm chuyên chính vô sản và đấu tranh giai cấp của chủ

nghĩa Mác Lê là một trở ngại cho việc thiết lập một nền dân chủ chính thống. Lấy khả năng "cướp chính quyền" để xác định tính chính thống lãnh đạo đất nước là quan điểm chính trị của phường thảo khấu dưới thời kỳ phong kiến và của băng đảng mafia thời kỳ hiện đại. Quan điểm chính trị này hoàn toàn đối nghịch với ý niệm dân chủ. Trong thời đại dân chủ, một chính quyền có năng lực pháp lý phải được xây dựng trên một hiến pháp hợp pháp và dân chủ. Hiến pháp dân chủ đó phải xác định được tính độc lập của ba ngành hành pháp, lập pháp và toà án. Và hiến pháp đó phải được toàn dân chấp thuận qua một cuộc trưng cầu dân ý độc lập và vô tư.

Lá phiếu tự do độc lập và trong sáng của người dân xác định tính chất chính thống, tính hợp pháp của nhà cầm quyền. Nó là biểu tượng của quyền làm chủ của nhân dân. Vì thế, một chính quyền bởi dân do dân và vì dân không bao giờ phải sợ hãi trước lá phiếu. Ngược lại, một chính quyền luôn luôn nơm nớp lo sợ lá phiếu tự do của người dân, không được toàn dân bầu ra trong một cuộc bầu cử tự do đa nguyên, là chính quyền không có năng lực đạo đức chính trị và tính chính thống để lãnh đạo đất nước.

Đó đó, tái lập tính chính thống, tính hợp pháp của nhà cầm quyền là điều kiện tiên quyết và là nhu cầu cấp bách để xây dựng một nền chính trị dân bản bền vững. Và nền chính trị dân bản bền vững là nền tảng để mở ra thời đại phục hưng dân tộc, làm bệ phóng cho giai đoạn cất cánh về kinh tế toàn dân và để bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ.

8.

Nhìn lại giai đoạn lịch sử thống nhất đất nước ở thời kỳ hậu Gia Long để thấy rằng cái vòng oan nghiệt của quyền lực tuyệt đối đi đôi với tầm nhìn thiển cận của những đầu óc ngu muội luôn luôn đưa đất nước vào thời kỳ suy vong. Từ hai trăm năm trước đến nay cái vòng kim cô nghiệt ngã đó vẫn tròng lên giò sinh mệnh của dân tộc.

Ngày nay, chủ nghĩa Mác Lê vẫn là trở ngại lớn nhất trong việc phục hưng dân tộc. Để tháo gỡ chướng ngại vật to lớn này trên đường sống của dân tộc, thể hệ mới của Việt Nam trong ngoài nước phải vận dụng trí tuệ để có một tầm nhìn rộng lớn, khai phóng, nhân bản và chính xác về con người, dân tộc và nhân loại. Do đó, khởi điểm của của vận động phục hưng dân tộc là thực hiện một cuộc vận động và tập hợp thời đại nhằm xây dựng một xã hội dân bản và nhân bản cho tất cả mọi người. Đó yêu cầu cấp bách của lịch sử.

Mỗi lần đến ngày 30 tháng Tư là một cơ hội để chúng ta suy nghĩ về những thất bại lịch sử và để mơ đến "Giấc Mơ Việt Nam". Để từ những nơi xa xôi trên trái đất đến những trung tâm vận động phục hưng dân tộc ngay tại trong nước, mọi người Việt đều phải cùng nhau chia sẻ một viễn tượng về sinh mệnh dân tộc và hướng đi tới của đất nước. Từ đống tro tàn của lịch sử, những con phương hoàng sẽ cùng nhau cất cánh. Từ đó, mọi người Việt sẽ cùng nhau tái tạo một nước Đại Việt mới, một tổ quốc Đại Việt của thời đại 2000 với không gian Việt trải dài khắp nơi trên thế giới, một tổ quốc

của mọi người mang dòng máu và văn hoá Việt không phân biệt chính kiến, tôn giáo hay bất cứ một quá khứ chính trị nào.

LS Nguyễn Xuân Phước